



VĂN PHÒNG QUỐC HỘI
THƯ VIỆN QUỐC HỘI

**ĐIỀU LUẬT TẠM THỜI VỀ GIẤY PHÉP
CƯ TRÚ CỦA CỘNG HÒA NHÂN DÂN
TRUNG HOA**

("Điều luật tạm thời về Giấy phép cư trú" được Chính phủ thông qua ngày 21 tháng 10 năm 2015 tại cuộc họp thường kỳ thứ 109 của Chính phủ, văn bản được công bố và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2016)

*Bản dịch chỉ có giá trị tham khảo, sử dụng nội bộ
Phục vụ các cơ quan của Quốc hội, các đại biểu Quốc hội*

Copyright © 2020 TVQH

Bản quyền tài liệu thuộc về Thư viện Quốc hội.

Việc sử dụng mọi thông tin trong tài liệu phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật về bản quyền.

LỜI GIỚI THIỆU

Với mong muốn cung cấp thêm thông tin tham khảo về kinh nghiệm lập pháp nước ngoài tới các đại biểu Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, được sự quan tâm chỉ đạo của Tổng Thư ký Quốc hội, lãnh đạo Văn phòng Quốc hội, từ năm 2020, Thư viện Quốc hội tổ chức biên dịch Hiến pháp và luật của các nước tương ứng với các dự án trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội.

Trên tay Quý vị là Điều Luật tạm thời về giấy phép cư trú của nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa được dịch từ bản tiếng Trung do Thư viện Quốc hội khai thác trên Cổng thông tin điện tử của Hội đồng nhà nước, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa: <http://www.gov.cn/>.

Thư viện Quốc hội xin trân trọng gửi đến các vị đại biểu Quốc hội để nghiên cứu, tham khảo. Dịch luật của các nước là một công việc phức tạp, nhiều trường hợp phải dịch qua bản tiếng Anh vì bản gốc là ngôn ngữ không phổ thông nên khó lòng tránh khỏi những thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được phản hồi của quý vị để tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động biên dịch trong thời gian tới.

THƯ VIỆN QUỐC HỘI

Điều 1. Quy định này được xây dựng nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của đô thị hoá theo mô hình mới, thúc đẩy các dịch vụ công cộng cơ bản và tạo điều kiện bao phủ toàn bộ dân số thường trú tại đô thị, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, thúc đẩy công bằng xã hội.

Điều 2. Công dân đi khỏi nơi thường trú, đến sinh sống tại một thành phố khác từ 06 tháng trở lên, đáp ứng một trong các điều kiện: có việc làm hợp pháp, có nơi ở ổn định hợp pháp hoặc học tập liên tục, có thể xin giấy phép cư trú theo quy định của Điều luật này.

Điều 3. Giấy phép cư trú là bằng chứng chứng minh người sở hữu nó là người thường trú tại một nơi, được hưởng các dịch vụ công cộng và tiện ích cơ bản của người thường trú, có đăng ký hộ khẩu thường trú.

Điều 4. Nội dung của giấy phép cư trú bao gồm: Họ tên, giới tính, dân tộc, ngày tháng năm sinh, số chứng minh nhân dân, ảnh chân dung cá nhân, địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú, địa chỉ nơi cư trú, cơ quan cấp và thời hạn cấp giấy phép.

Điều 5. Chính quyền nhân dân cấp quận/huyện trở lên có trách nhiệm xây dựng và kiện toàn cơ chế hợp lý để cung cấp các dịch vụ và tiện ích công cộng cơ bản cho người có giấy phép cư trú. Chính quyền nhân dân từ cấp quận/huyện trở lên có trách nhiệm phát triển cải cách, giáo dục, công an, dân chính, hành chính tư pháp, bảo đảm tài nguyên nhân lực và an sinh xã hội, xây dựng đô thị và nhà ở, y tế và kế hoạch hoá gia đình,... các cơ quan hữu quan khác căn cứ vào trách nhiệm của mình, làm tốt công tác bảo đảm quyền lợi, phục vụ và quản lý đối với người sở hữu giấy phép cư trú.

Điều 6. Chính quyền nhân dân địa phương cấp quận/huyện trở lên có trách nhiệm đưa nội dung công tác cung cấp dịch vụ và tiện ích công cộng cơ bản dành cho người sở hữu giấy phép cư trú vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, hoàn thiện hệ thống thanh toán tài chính chuyển khoản, đưa chi phí cần thiết để cung cấp dịch vụ và tiện ích công cộng cơ bản vào dự trù ngân sách Nhà nước.

Điều 7. Các cơ quan hữu quan của chính quyền nhân dân cấp quận/huyện trở lên có trách nhiệm xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu thông tin nhân khẩu, phân loại và hoàn thiện hệ thống thông tin về việc làm, giáo dục, an sinh xã hội, nhà ở, tín dụng, y tế và kế hoạch hoá gia đình, hôn nhân,... cũng như công tác thu thập thông tin và đăng ký cho người sở hữu giấy phép cư trú, tăng cường chia sẻ thông tin về những người sở hữu giấy phép cư trú giữa các cơ quan ban ngành, các khu vực, cung cấp thông tin hỗ trợ cho sự phát triển của các hệ thống chuyên giao liên tục như bảo hiểm xã hội và quỹ hỗ trợ nhà ở,... để đưa dịch vụ công cộng cơ bản trở nên phổ biến và cung cấp thông tin dành cho toàn bộ dân số, tạo điều kiện cư trú thuận lợi cho người sở hữu giấy phép cư trú.

Điều 8. Các cơ quan công an chịu trách nhiệm quản lý việc xin cấp, thụ lý, chuẩn bị, cấp và chứng thực giấy phép cư trú.

Ủy ban nhân dân, uỷ ban thôn, đơn vị sử dụng lao động, trường học và người cho thuê nhà có trách nhiệm hỗ trợ làm tốt công tác thụ lý và cấp giấy phép cư trú.

Điều 9. Để xin giấy phép cư trú, công dân cần nộp chứng minh thư nhân dân, ảnh chân dung cá nhân và các giấy tờ chứng minh địa chỉ cư trú, việc làm, học tập... cho đồn công an hoặc cơ quan dịch vụ cộng đồng do cơ quan công an uỷ thác.

Giấy tờ chứng minh địa chỉ cư trú bao gồm hợp đồng thuê nhà, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, hợp đồng mua nhà hoặc giấy chứng nhận nơi ở do người cho thuê nhà, đơn vị sử dụng lao động, trường học cung cấp,...; giấy chứng minh việc làm bao gồm giấy phép kinh doanh, hợp đồng lao động, giấy chứng nhận quan hệ lao động do người sử dụng lao động cấp hoặc các tài liệu khác có thể chứng minh việc làm hợp pháp và ổn định,...; giấy chứng minh việc học bao gồm thẻ sinh viên, học viên, các giấy tờ do trường cung cấp để chứng minh việc học liên tục,...

Trẻ vị thành niên dưới 16 tuổi, người già bị hạn chế hành vi, người tàn tật,... có thể xin giấy phép cư trú bởi người giám hộ, người thân thích. Người

giám hộ, người thân thích khi thay mặt đi xin giấy phép cư trú phải cung cấp giấy chứng minh thân phận là người đại diện hợp pháp.

Người nộp đơn và các tài liệu chứng minh liên quan phải chịu trách nhiệm về tính xác thực và tính hợp pháp của các tài liệu chứng minh được quy định trong điều này.

Đối với hồ sơ chứng minh cư trú chưa đầy đủ, đồn công an hoặc cơ quan dịch vụ cộng đồng được uỷ thác có trách nhiệm thông báo một lần cho người nộp hồ sơ về những giấy tờ cần bổ sung.

Đối với hồ sơ đủ điều kiện xin giấy phép cư trú, cơ quan công an có trách nhiệm thụ lý và cung cấp giấy phép cư trú trong vòng 15 ngày kể từ ngày thụ lý; tại các vùng sâu vùng xa, vùng giao thông không thuận lợi hoặc vùng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không thể cấp giấy phép cư trú đúng thời hạn, chính quyền nhân dân địa phương cấp thành phố trở lên có thể kéo dài thời gian quy định cấp giấy phép, nhưng thời hạn không được phép quá 30 ngày.

Điều 10. Giấy phép cư trú do cơ quan công an của chính quyền nhân dân địa phương cấp quận/huyện trở lên cấp và phê duyệt mỗi năm 1 lần.

Người sở hữu giấy phép cư trú liên tục tại một nơi, cần tới đồn công an hoặc cơ quan dịch vụ cộng đồng được cơ quan công an uỷ thác tại nơi ở tiến hành thủ tục xác nhận trong thời gian một tháng trước khi hết thời hạn một năm.

Nếu thủ tục chứng thực không được hoàn thành trong thời hạn, hiệu lực của giấy phép cư trú sẽ bị đình chỉ nếu thủ tục xác nhận được bổ sung, hiệu lực của giấy phép cư trú sẽ được khôi phục, thời gian cư trú của người sở hữu giấy phép cư trú tại nơi cư trú sẽ được tính tiếp tục kể từ ngày làm thủ tục xác nhận lại.

Điều 11. Trường hợp giấy phép cư trú bị hỏng, bị mất thì người sở hữu giấy phép cư trú phải đến cơ quan công an hoặc cơ quan dịch vụ cộng đồng được cơ quan công an uỷ thác tại nơi cư trú để làm thủ tục đổi giấy hoặc cấp lại.

Người sở hữu giấy phép cư trú khi đổi giấy phép cư trú mới, phải nộp lại giấy phép cũ.

Điều 12. Người sở hữu giấy phép cư trú có quyền lao động làm việc, tham gia bảo hiểm xã hội, quyền gửi, rút và sử dụng quỹ dự phòng nhà ở. Chính quyền nhân dân cấp quận/huyện trở lên và các cơ quan ban ngành liên quan có trách nhiệm cung cấp những dịch vụ công cộng cơ bản dưới đây cho người sở hữu giấy phép cư trú:

- 1) Giáo dục bắt buộc;
- 2) Các dịch vụ công cộng cơ bản về việc làm;
- 3) Các dịch vụ y tế công cộng và kế hoạch hoá gia đình cơ bản;
- 4) Dịch vụ văn hoá, thể thao công cộng;
- 5) Trợ giúp pháp lý và những dịch vụ pháp lý khác;
- 6) Những dịch vụ công cơ bản khác do Nhà nước quy định.

Điều 13. Người có giấy phép cư trú, được hưởng các tiện ích sau đây tại nơi cư trú:

- 1) Xin các loại giấy tờ xuất nhập cảnh theo các quy định có liên quan của Nhà nước;
- 2) Xin gia hạn hoặc cấp lại giấy chứng minh nhân dân theo các quy định liên quan của Nhà nước;
- 3) Đăng ký xe cơ giới;
- 4) Thi lấy giấy phép lái xe cơ giới;
- 5) Đăng ký dự thi nâng cao trình độ nghề, xin cấp chứng chỉ nghề;
- 6) Xử lý hồ sơ đăng ký dịch vụ khai sinh và các giấy tờ liên quan tới kế hoạch hoá gia đình khác;
- 7) Các tiện ích khác do Nhà nước quy định.

Điều 14. Các cơ quan hữu quan của Chính phủ, cơ quan hữu quan của chính quyền nhân dân địa phương tích cực tạo điều kiện, từng bước mở rộng phạm vi dịch vụ và tiện ích công cộng dành cho người sở hữu giấy phép cư trú,

nâng cao tiêu chuẩn dịch vụ, và báo cáo thường kỳ với xã hội phạm vi dịch vụ và tiện ích công cộng mà người sở hữu giấy phép cư trú được hưởng.

Điều 15. Người có giấy phép cư trú khi có đủ điều kiện đăng ký hộ khẩu thường trú theo quy định của chính quyền nhân dân nơi đang cư trú, có thể chuyển hộ khẩu thường trú từ nguyên quán về nơi ở hiện tại theo nguyện vọng của mình.

Điều 16. Chính quyền nhân dân nơi công dân cư trú quyết định điều kiện đăng ký hộ khẩu căn cứ vào các quy định sau đây:

1) Điều kiện đăng ký hộ khẩu tại thành phố nhỏ của thị trấn hoặc khu vực nội thành có dân số từ 500.000 người trở xuống là phải có chỗ ở ổn định và hợp pháp tại nội thành thành phố, tại thị trấn nơi đặt trụ sở chính quyền nhân dân cấp huyện hoặc các thị trấn khác.

2) Điều kiện đăng ký hộ khẩu tại thành phố quy mô vừa với dân số đô thị từ 500.000 đến 1 triệu người là có việc làm ổn định hợp pháp và có chỗ ở ổn định hợp pháp, đồng thời tham gia bảo hiểm xã hội đô thị đủ số năm theo quy định của Nhà nước. Trong đó, tại những nơi có áp lực sức tải đô thị tổng thể nhỏ, có thể tham khảo tiêu chuẩn của các thị trấn hoặc thành phố nhỏ, nới lỏng toàn diện các hạn chế về đăng ký hộ khẩu; tại những nơi có áp lực sức tải toàn diện đô thị lớn, có thể đưa ra quy định về các yêu cầu như phạm vi về việc làm ổn định hợp pháp, phạm vi về số năm và chỗ ở ổn định hợp pháp,... Tuy nhiên, không được phép đặt ra các yêu cầu như yêu cầu về diện tích, giá trị của nhà ở của nơi ở ổn định hợp pháp,... Đối với yêu cầu về thời gian tham gia bảo hiểm xã hội đô thị, không được vượt quá 3 năm.

3) Điều kiện đăng ký hộ khẩu tại thành phố lớn có dân số từ 1 triệu đến 5 triệu người là có việc làm ổn định hợp pháp tại thành phố trong một khoảng thời gian nhất định và có nơi ở ổn định hợp pháp, đồng thời tham gia bảo hiểm xã hội đô thị một số năm nhất định theo quy định của Nhà nước, tuy nhiên yêu cầu về thời gian tham gia bảo hiểm xã hội đô thị không được vượt quá 5 năm. Trong đó, các thành phố lớn có dân số từ 3 triệu đến 5 triệu người có thể đưa ra quy

định về các yêu cầu như phạm vi việc về việc làm ổn định hợp pháp, phạm vi về số năm và chỗ ở ổn định hợp pháp,... đồng thời, có thể xây dựng cơ chế đăng ký hộ khẩu dựa trên điều kiện thực tế của địa phương.

4) Điều kiện đăng ký hộ khẩu tại thành phố lớn và siêu đô thị có dân số trên 5 triệu người phải căn cứ vào sức chịu tải tổng thể và nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của thành phố đó, đồng thời dựa vào các tiêu chuẩn chính như việc làm ổn định hợp pháp và nơi ở ổn định hợp pháp, số năm tham gia bảo hiểm xã hội đô thị, số năm cư trú liên tiếp... để xây dựng và hoàn thiện cơ chế đăng ký hộ khẩu.

Điều 17. Các cơ quan Nhà nước và nhân viên thuộc cơ quan có trách nhiệm bảo mật thông tin cá nhân của người xin cấp giấy phép cư trú trong quá trình làm việc.

Điều 18. Nếu có một trong các hành vi dưới đây, sẽ được cơ quan công an đưa ra cảnh cáo, ra lệnh chỉnh sửa, phạt hành chính từ 200 nhân dân tệ trở xuống, nếu có thu nhập bất hợp pháp sẽ bị tịch thu:

- 1) Sử dụng tài liệu chứng minh giả để xin giấy phép cư trú;
- 2) Cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng giấy phép cư trú;
- 3) Chiếm giữ trái phép giấy phép cư trú của người khác.

Điều 19. Nếu có một trong các hành vi dưới đây, sẽ bị cơ quan công an phạt hành chính từ 200 - 1000 nhân dân tệ, nếu có thu nhập bất hợp pháp sẽ bị tịch thu:

- 1) Sử dụng giấy phép cư trú của người khác hoặc sử dụng giấy phép có được do gian lận;
- 2) Mua, bán, sử dụng giấy phép cư trú bị giả mạo hoặc bị thay đổi.

Giấy phép cư trú nguy tạo hoặc bị thay đổi hoặc xin được do gian lận, sẽ bị cơ quan công an tịch thu.

Điều 20. Các cơ quan Nhà nước và nhân viên công tác tại cơ quan có một trong các hành vi sau đây, sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật; nếu cấu thành tội phạm, sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật:

- 1) Nhận được hồ sơ xin cấp giấy phép cư trú hợp lệ nhưng từ chối thụ lý, cung cấp giấy phép;
- 2) Vi phạm các quy định có liên quan về thu phí;
- 3) Lợi dụng việc lập, cấp giấy phép cư trú để nhận tài sản, trục lợi từ người khác;
- 4) Bán hoặc cung cấp bất hợp pháp các thông tin cá nhân của người xin cấp giấy phép cư trú mà họ có được trong quá trình làm việc;
- 5) Giả mạo thông tin giấy phép cư trú.

Điều 21. Trường hợp xin giấy phép cư trú lần đầu tiên được miễn thu phí cấp giấy chứng nhận. Thực hiện thu phí đối với các trường hợp đổi hoặc gia hạn giấy phép cư trú. Không tính phí cho các thủ tục xác nhận.

Phương thức thu phí cụ thể do cơ quan phụ trách tài chính và giá cả của Chính phủ quy định.

Điều 22. Chính quyền nhân dân địa phương thành phố có quận¹ trở lên có trách nhiệm kết hợp các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực hành chính của mình với các điều kiện đăng ký hộ khẩu cùng các nhân tố khác, đồng thời căn cứ vào quy định này để đưa ra cách làm.

¹ Thành phố có quận là một thuật ngữ thường được sử dụng trong luật pháp của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Hiến pháp của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa chia các thành phố không phải là thành phố trực thuộc Trung ương thành "thành phố có quận" và "thành phố không có quận".

Điều 23. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Giấy phép cư trú do các địa phương cấp trước khi thi hành Điều lệ này tiếp tục có giá trị trong thời hạn hiệu lực.

NHÓM BIÊN DỊCH

Biên dịch: **Đỗ Thúy Hòa**

Hiệu đính: **Một số chuyên gia
và Thư viện Quốc hội**

VĂN PHÒNG QUỐC HỘI

Thư viện Quốc hội



Nhà Quốc hội, đường Độc Lập, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại 080.41950

Email: thuvienquochoi@quochoi.vn